

KHOẢNG CÁCH QUYỀN LỰC TRONG MỐI QUAN HỆ THẦY - TRÒ Ở TRƯỜNG HỌC VÀ MỘT SỐ LƯU Ý SỰ PHẠM

MANIFESTATION OF POWER DISTANCE IN TEACHER-STUDENT RELATIONSHIP AT SCHOOL AND SOME PEDAGOGICAL IMPLICATIONS

ĐÀO THỊ PHƯƠNG

(TS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: Vietnamese features the cultural characteristics of large power distance. In school, teacher-student relationship is hierarchical and unequal. Teachers are respected, are the initiators of all class activities, and play an extremely important role in the educational process. These characteristics offer unique cultural features of teacher-student relationship in Vietnam, but also the barriers to educational innovation process. This article discusses power distance and the manifestation of power distance in the teacher-student relationship. Furthermore, with the hope to contribute to the improvement of teaching and learning, we also offer some pedagogical implications such as equalizing teacher-student relationship, promoting creativity, autonomy of the learners, adjusting teaching methods, changing social norms about academic performance of students, and enhancing cultural understanding in order to avoid the disadvantages or misunderstandings.

Key words: power distance; teacher-student relationship; pedagogical implications.

1. Geert Hofstede, nhà nghiên cứu văn hóa Hà Lan cho rằng, sự bất bình đẳng là khoảng cách quyền lực (power distance), một trong sáu thước đo sự khác biệt văn hóa. Theo ông khoảng cách quyền lực là thước đo mức độ chịu đựng bất bình đẳng giữa người ở vị thế thấp hơn với người có vị thế cao trong tổ chức, trong xã hội có thứ bậc. Trong trường học, mối quan hệ giữa thầy và trò được xem là mối quan hệ thứ bậc (hierarchy) và khoảng cách quyền lực được thể hiện rõ khi thầy trò tương tác với nhau. Ở những nền văn hóa có khoảng cách quyền lực cao, người thầy được học trò kính trọng, thậm chí nể sợ; thầy là trung tâm hoạt động giáo dục. Trái lại, ở các quốc gia có khoảng cách quyền lực thấp, quan hệ thầy trò về cơ bản là ngang bằng nhau; người học được cho là trung tâm trong quá trình dạy và học (Hofstede et al, 2010). Bài viết này bàn về khoảng cách quyền lực và biểu hiện của nó trong mối quan hệ giữa thầy và trò trong

trường học, đồng thời cũng đưa một vài gợi ý sự phạm nhằm góp phần tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho người học, giúp góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học.

2. Khoảng cách quyền lực

Thuật ngữ “*khoảng cách quyền lực*” được giới thiệu lần đầu tiên bởi nhà tâm lý học xã hội người Hà Lan, Mauk Mulder. Ông định nghĩa khoảng cách quyền lực là “*sự bất bình đẳng về quyền lực giữa một cá nhân ít quyền lực hơn (tôi) và một người khác có quyền lực lớn hơn (người khác), trong đó tôi và người khác thuộc về một hệ thống xã hội giống nhau (quan hệ chặt chẽ hoặc lỏng lẻo)*” (Mulder, 1977).

Geert Hofstede đã tiến hành nghiên cứu các giá trị văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau trong một công ty đa quốc gia (IBM) có trụ sở trên 50 nước. Kết quả điều tra được tổng hợp trong công trình nổi tiếng “*Cultures's consequences*” với năm chiều văn hóa là *khoảng cách quyền lực* (power distance), tính

cá nhân-tập thể (individualism-collectivism), *nam tính-nữ tính* (masculinity-femininity), *thiên hướng né tránh rủi ro* (uncertainty avoidance), *thiên hướng ngắn hạn-dài hạn* (long-term-short-term orientation). Công trình này được tái bản lần ba năm 2010 và có thêm một chiều văn hóa nữa được xác định là *niềm đam mê-sự kiềm chế* (indulgence-restraint). Theo Hofstede et al (2010), khoảng cách quyền lực là “*mức độ mà các thành viên có ít quyền lực hơn của các tổ chức và các cơ quan trong phạm vi một quốc gia mong đợi và chấp nhận quyền lực được phân bố không đều*”. Ông cũng giải thích rõ các tổ chức được xem là những nhân tố cơ bản của xã hội như gia đình, trường học, và cộng đồng, còn các cơ quan là nơi con người làm việc. Định nghĩa này của ông được trích dẫn và sử dụng rộng rãi trong các công trình nghiên cứu về văn hóa.

3. Khoảng cách quyền lực nhỏ và khoảng cách quyền lực lớn

Hofstede đã tính chỉ số quyền lực (power distance index) của các nền văn hóa mà ông nghiên cứu. Trong công trình “Culture’s Consequences” xuất bản năm 2010, ông và các cộng sự nghiên cứu thêm dữ liệu khác ngoài những dữ liệu từ công ty đa quốc gia IBM và đưa ra bảng chỉ số quyền lực của 76 quốc gia và vùng lãnh thổ. Dựa theo bảng chỉ số này, các quốc gia ở Đông Âu, La tinh, châu Á và châu Phi thường có chỉ số khoảng cách quyền lực cao, còn một số quốc gia nói tiếng Anh ở phương Tây có chỉ số thấp. Ví dụ quốc gia có chỉ số cao như Malaysia (104), Philipines (94), China (80), Việt Nam (70) và thấp như Australia (11), Israel (13), Đan Mạch (18). Mức độ trung bình là 53.

Ở trường học, người thầy có nghĩa vụ đối xử với trò như những cá thể bình đẳng với mình, và cũng muốn trò xem họ như vậy. Phương pháp giáo dục lấy người học làm trung tâm, học trò phải tự tìm cách học tập của riêng mình (Hofstede et al, 2010). Tuy nhiên, ở những nền văn hóa có khoảng cách quyền lực lớn, hệ thống phân cấp quyền lực được biểu

hiện rất rõ nét. Ở nơi làm việc, quan hệ giữa cấp dưới và cấp trên là mối quan hệ không bình đẳng hay nói cách khác là cấp dưới phải phục tùng cấp trên; hệ thống phân cấp quyền lực hoạt động dựa trên sự bất bình đẳng này. Quyền lực tập trung vào tay một số ít người và cấp dưới thực hiện những việc mà anh ta “được bảo làm”. Trong gia đình, con cái phải nghe lời cha mẹ, những hành vi mang tính độc lập thường không được khuyến khích. Kính trọng cha mẹ và những người lớn tuổi được xem là phẩm chất quan trọng. Thêm nữa, cha mẹ có ảnh hưởng đến con cái cho đến khi họ qua đời. Ở trường học, người thầy được học trò kính trọng thậm chí “nể sợ”. Trong giáo dục thầy đóng vai trò trung tâm, thầy chỉ ra con đường học tập mà trò cần theo. Lớp học có trật tự nghiêm ngặt mà thầy thường là người bắt đầu tất cả các quá trình giao tiếp, tương tác (Hofstede et al, 2010).

Dưới đây là một số khác biệt chủ yếu về tiêu chuẩn chung, gia đình, trường học, y tế ở những nền văn hóa có khoảng cách quyền lực nhỏ-lớn khác nhau (Hofstede et al, 2010: 72):

Khoảng cách quyền lực nhỏ	Khoảng cách quyền lực lớn
Bất bình đẳng con người nên được tối giảm	Bất bình đẳng con người được kì vọng và mong muốn
Các mối quan hệ xã hội nên được xử lí một cách cân trọng	Địa vị xã hội cân bằng với sự chế ngự
Người có quyền lực cao và người có quyền lực thấp độc lập với nhau	Người có quyền lực thấp hơn bị phụ thuộc
Người có quyền lực thấp hài lòng với sự độc lập về mặt tinh thần	Về mặt tinh thần, người có quyền lực thấp bị phân cực giữa phụ thuộc hay từ chối phụ thuộc
Cha mẹ cư xử bình đẳng với con cái	Cha mẹ dạy con cái vâng lời
Con cái cư xử bình đẳng với cha mẹ và những người thân lớn tuổi hơn mình	Kính trọng cha mẹ, và người thân lớn tuổi là phẩm chất căn bản và suốt đời

Con cái không có nhiệm vụ lo cho cha mẹ lúc tuổi già	Con cái lo cho cha mẹ lúc tuổi già
Học trò cư xử bình đẳng với thầy	Học trò kính trọng thầy, thậm chí cả ngoài lớp học
Thầy mong trò chủ động, khởi đầu	Thầy là người khởi đầu mọi việc trong lớp học
Thầy là chuyên gia, người truyền tải những kiến thức khách quan	Thầy được xem là người cực kì kinh nghiệm (thầy tâm linh), người truyền tải trí tuệ của mình.
Chất lượng học tập phụ thuộc vào sự giao tiếp 2 chiều và sự xuất sắc của trò	Chất lượng học tập phụ thuộc vào sự xuất sắc của thầy
Người học vẫn thấp có xu hướng độc tài hơn người có học vấn cao hơn	Người có học vấn cao và người có mức độ độc tài ngang nhau.
Chính sách giáo dục tập trung cho các trường phổ thông	Chính sách giáo dục tập trung cho các trường đại học
Bệnh nhân cư xử bình đẳng với bác sĩ và chủ động cung cấp thông tin	Bệnh nhân xem bác sĩ như người có địa vị cao hơn, thời gian tư vấn ngắn hơn và được bác sĩ kiểm soát.

4. Khoảng cách quyền lực trong trường học

Ở những nền văn hóa có khoảng cách quyền lực lớn, bất bình đẳng giữa cha mẹ-con cái tiếp tục được duy trì trong mối quan hệ giữa giáo viên-học sinh; tâm lý phụ thuộc luôn thường trực sẵn trong tâm trí học sinh. Người thầy được kính trọng, thậm chí nể sợ (giáo viên lớn tuổi được nể trọng hơn giáo viên trẻ); sinh viên có thể phải đứng lên chào khi khi thầy vào lớp. Quá trình giáo dục lấy người thầy làm trung tâm, thầy chỉ ra con đường học tập mà học sinh theo. Lớp học có quy định, trật tự nghiêm; thầy thường là người khởi xướng tất cả các hoạt động, trò chỉ bày tỏ ý kiến khi được mời. Thầy không bị chỉ trích một cách công khai và được đối xử với sự tôn trọng ngay cả ngoài trường học. Quá trình giáo dục khá chủ quan, kiến thức được truyền đạt là những gì

thuộc về trí tuệ của người thầy, ở Ấn Độ và Indônêxia thầy được xem là “*guru*” (một từ gốc tiếng Phạn có nghĩa là “quan trọng” hoặc “đáng tôn kính” thậm chí là “thầy tâm linh”). Chất lượng giáo dục phụ thuộc nhiều vào sự “xuất sắc” của thầy.

Trái lại, ở các quốc gia có khoảng cách quyền lực nhỏ, thầy có nghĩa vụ cư xử bình đẳng với trò và mong cách cư xử tương tự từ trò. Giáo viên trẻ thường bình đẳng hơn vì vậy thường được yêu thích hơn giáo viên lớn tuổi. Quá trình giáo dục lấy người học làm trung tâm; sự chủ động khởi xướng của người học được đánh giá cao; người học có nhiệm vụ tự tìm con đường học tập cho riêng mình. Người học được quyền can thiệp vào các hoạt động trong lớp học, họ có thể hỏi khi họ không hiểu vấn đề nào đó. Người học có thể tranh cãi với giáo viên, bày tỏ bất đồng hoặc chỉ trích trực tiếp giáo viên, và không bày tỏ sự tôn trọng đặc biệt nào với giáo viên bên ngoài lớp học. Quá trình giáo dục diễn ra khách quan, thầy truyền đạt những kiến thức thực tế. Chất lượng học tập phụ thuộc vào mối quan hệ giao tiếp 2 chiều giữa người dạy và người học. Hệ thống giáo dục hoạt động dựa trên sự phát triển nhu cầu độc lập của người học và sự xuất sắc của họ quyết định phần lớn chất lượng giáo dục.

Hơn nữa, Hofstede et al (2010) cũng chỉ ra rằng các quốc gia có khoảng cách quyền lực nhỏ, ngân sách giáo dục tập trung lớn vào bậc trung học, tạo điều kiện học tập cho tất cả mọi người, góp phần vào sự phát triển của tầng lớp trung lưu trong xã hội. Tuy nhiên, ở các quốc gia có khoảng cách quyền lực cao, ngân sách giáo dục đầu tư cho bậc đại học lớn hơn. Chính sách này tạo ra sự phân cực lớn giữa tầng lớp ưu tú và thất học trong xã hội.

Một điểm dị biệt khác là hình phạt thể chất (corporal punishment) ở trường học. Ở các quốc gia có khoảng cách quyền lực lớn, hình phạt về mặt thể chất thường dễ được chấp nhận hơn. Nó làm nổi bật lên sự bất bình đẳng thầy trò và được xem là tốt cho việc hình thành nhân cách của trẻ em. Điều ngược lại xảy ra ở

các quốc gia có khoảng cách quyền lực nhỏ. Hình phạt thể chất bị coi là lạm dụng trẻ em và cha mẹ các em có thể lấy lý do này để trình báo với cảnh sát.

Bảng tóm tắt dưới đây thể hiện rõ những điểm dị biệt căn bản ở trường học giữa những nền văn hóa có khoảng cách quyền lực lớn nhỏ khác nhau:

Những nền văn hóa có khoảng cách quyền lực nhỏ	Những nền văn hóa có khoảng cách quyền lực lớn
Học trò cư xử bình đẳng với thầy	Học trò kính trọng thầy, thậm chí cả ngoài lớp học
Thầy mong trò chủ động, khởi đầu	Thầy là người khởi đầu mọi việc trong lớp học
Thầy là chuyên gia, người truyền tải những kiến thức khách quan	Thầy được xem là người cực kì kinh nghiệm (thầy tâm linh), người truyền tải trí tuệ của mình.
Chất lượng học tập phụ thuộc vào sự giao tiếp 2 chiều và sự xuất sắc của trò	Chất lượng học tập phụ thuộc vào sự xuất sắc của thầy
Chính sách giáo dục tập trung cho giáo dục phổ thông	Chính sách giáo dục tập trung cho bậc đại học

5. Bàn về khoảng cách quyền lực trong mối quan hệ thầy trò ở Việt Nam

Theo bảng chỉ số khoảng cách quyền lực của 76 quốc gia và vùng lãnh thổ, Việt Nam có chỉ số quyền lực là 70 (Hofstede et al, 2010). Như vậy Việt Nam được xếp vào nhóm các nền văn hóa có chỉ số quyền lực cao (chỉ số trung bình là 53). Những biểu hiện trong nhà trường của Việt Nam khá giống với những tiêu chí của nền văn hóa có khoảng cách quyền lực cao.

Đã từ bao đời nay trong tâm thức của người Việt Nam thầy luôn giữ vị trí trung tâm trong nhà trường và trong quá trình giáo dục. Người thầy xem là yếu tố người quyết định tới chất lượng giáo dục, sự thành bại của trò “không thầy đồ mà làm nên”. Trong xã hội

phong kiến thầy giáo được gọi là “thầy đồ”, những thầy đồ ngày xưa rất đa tài không chỉ giỏi văn chương, thơ phú mà còn có thể chữa bệnh cứu người. Thầy đồ là người học chữ “thánh hiền”, người luôn có ý thức trau dồi tri thức và giữ gìn phẩm cách. Thầy là người gần gũi “duy nhất” có thể truyền dạy trực tiếp lễ nghi, đạo đức, chữ nghĩa, văn chương, thơ phú cho học trò nên được học trò, xã hội gửi gắm niềm tin “xem lũ trò hay, biết thầy dạy giỏi”. Thầy đồ sống mực thước theo cốt cách nhà nho, được xem là chuẩn mực về nhân cách, về tài năng, là hình mẫu để vươn tới. Thầy là người bề trên đối với trò. Học trò phải tuân theo mọi lời chỉ dạy, mệnh lệnh của thầy. Lời thầy là tôn chỉ mà trò không được phép cãi lại. Nếu trò mắc lỗi thầy có thể trừng phạt trò một cách nghiêm khắc, thậm chí đánh phạt nhưng cha mẹ không dám phản đối, mà có nhiều cha mẹ xem đây là một hình thức giáo dục nghiêm khắc góp phần định hình tính cách, giúp con cái họ thành công, thành người có ích sau này.

Sau này xã hội phát triển hơn nhưng quan niệm về người thầy vẫn không có nhiều thay đổi. Người Thầy vẫn giữ một cương vị quan trọng trong nhà trường, trong xã hội, trong tâm thức học sinh. Thầy không chỉ truyền dạy kiến thức mà còn dạy cách đối nhân xử thế, cách làm người. Người thầy lí tưởng được xem giống như cha mẹ trò “cô giáo như mẹ hiền”. Thầy được tôn trọng, kính nể cả trong và ngoài trường học. Ở trường học sinh thường làm theo ý thầy, thầy đặt câu hỏi, trò có bốn phận trả lời và không được tranh cãi trực tiếp, không được chỉ trích, phê bình thầy. Trong cách ứng xử với thầy, học trò thường giữ thái độ khiêm nhường, đúng mực, gặp thầy ngả mũ chào thầy. Thầy là thầy, trò là trò, không có hiện tượng “cá mè một lứa”. Không có chuyện thầy xem trò là “bạn”, đùa giỡn với trò, hay trò gọi trực tiếp tên riêng của thầy mà không có chức danh. Mối quan hệ này thể hiện khoảng cách quyền lực lớn và rõ ràng. Ngày nay, xã hội đã phát triển, cùng với xu hướng toàn cầu hóa, giao lưu giữa các nền văn hóa diễn ra mạnh mẽ, quan hệ

thầy trò cũng bị tác động. Tuy nhiên, theo quan niệm truyền thống thầy vẫn là người bề trên trong hệ thống phân cấp quyền lực. Mỗi quan hệ giữa thầy và trò vẫn có một khoảng cách nhất định. Với học trò, thầy cô vẫn là những người có học thức cao nên họ vẫn ngại tranh cãi, ngại đưa ra quan điểm cá nhân, những ý kiến trái chiều với ý kiến của thầy cô mình.

Những đặc trưng trong nhà trường ở Việt Nam nói trên mang lại những nét văn hóa cao đẹp, là nền tảng đạo đức của con người. Tuy nhiên, những đặc trưng này cũng là những rào cản trong quá trình đổi mới giáo dục, phát huy tính tự chủ, chủ động, khả năng sáng tạo của người học. Rất nhiều học sinh Việt Nam luôn mang tư tưởng phụ thuộc vào thầy, chưa phát huy được tinh thần làm chủ, sáng tạo, rụt rè trong việc đưa ra ý kiến trước đám đông và không dám đưa ra những lập luận phản biện thầy cô.

Những điểm yếu này một phần là do quá trình dạy học có phần cứng nhắc. Thầy dạy theo sách giáo khoa và mọi kiến thức được trình bày trong sách giáo khoa là chính xác không có gì phải bàn cãi, tranh luận, học trò chỉ cần học theo. Chương trình dạy học cũng được thiết kế sẵn và thầy có nhiệm vụ dạy hết những kiến thức có trong chương trình, tâm lý “chạy chương trình” sợ “cháy giáo án” luôn thường trực. Thực tế này làm cho người dạy có ít thời gian để mở rộng vấn đề, khơi gợi khát khao tìm hiểu của người học, và người học cũng không có nhiều cơ hội tranh luận, thắc mắc trong giờ học. Dần dần người học hình thành thói quen thụ động “học theo thầy” hoặc “học theo sách”. Hơn nữa, quan hệ thứ bậc giữa thầy và trò trong nhà trường cũng làm cho trò e ngại khi muốn đặt câu hỏi, hay tranh luận trực tiếp với thầy tại lớp học.

Một vấn đề khác là thực trạng trong lớp học ngoại ngữ. Ngoại ngữ là một môn học thực hành, đòi hỏi người học phải mạnh dạn, thực hành và biến những gì mình đã học, đã hiểu thành những thứ mình sử dụng được. Trong khi đó, học viên Việt Nam lại mang tâm lý phụ

thuộc, ngại nói trước đám đông, thiếu tự tin. Mặt khác, thầy cô dạy ngoại ngữ chủ yếu là người Việt. Mặc dù đã học ngoại ngữ nhiều năm, tiếp xúc với văn hóa của ngôn ngữ đích cũng nhiều và tư tưởng có đổi mới, tân tiến hơn, nhưng rất nhiều thầy cô vẫn dạy học ngoại ngữ theo phương pháp truyền thống, chưa thực sự lôi cuốn được người học tham gia tích cực vào các hoạt động trong giờ học. Thầy vẫn là trung tâm của lớp học, chưa thiết lập được quan hệ giao tiếp hai chiều giữa thầy hoặc không dành nhiều cơ hội cho sinh viên thảo luận và thực hành. Điều này làm giảm hiệu quả của quá trình dạy và học.

Trong những năm gần đây, thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục, đổi mới phương pháp dạy và học, nhằm giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận với những chuyên gia hàng đầu, hoặc có cơ hội được học tập với những giáo viên bản ngữ, rất nhiều chuyên gia nước ngoài đã được mời đến giảng dạy, nói chuyện tại Việt Nam. Chính sách này mang lại những lợi ích đáng kể cho cả thầy và trò. Tuy nhiên, nó cũng mang lại một số vấn đề như sự hiểu nhầm không đáng có do sự khác biệt về văn hóa. Một người đồng nghiệp người Anh của tác giả đã phàn nàn về sự hiểu lầm này. Cô được giao phụ trách dạy kỹ năng nói cho một lớp học. Buổi đầu tiên cô đến lớp với tâm lý háo hức, sẵn sàng. Cô đứng ở cửa lớp và chào đón sinh viên. Sinh viên rất ngạc nhiên trước hành động này của cô. Cô cũng rất ngạc nhiên và vui khi thấy sinh viên vào lớp hết và đứng lên chào cô khi cô bước vào. Cô tiến hành các hoạt động dạy nói với mong muốn tạo cơ hội tối đa cho sinh viên thực hành kỹ năng này và mong muốn cô và trò có thể tranh luận với nhau một cách cởi mở. Tuy nhiên đáp lại sự nhiệt tình của cô là sự e dè, ngại ngùng, im lặng, đùn đẩy nhau khi phải nói của sinh viên. Cô có gọi trực tiếp một vài sinh viên bày tỏ quan điểm nhưng có em thì nói rất qua loa, có em thì nói rất nhỏ, có em thì cúi mặt, im lặng không nói gì. Cô rất thất vọng và nghĩ đó là lỗi của mình. Khi tác giả hỏi chuyện cô, và giải thích đặc điểm của sinh

viên Việt thì cô mới hiểu ra. Như đã nói ở trên, Việt Nam có chỉ số khoảng cách quyền lực cao (70), và khoảng cách quyền lực này biểu hiện rõ trong mối quan hệ thầy trò, khi trò thường nể sợ thầy, không dám đối thoại trực tiếp với thầy. Hơn nữa, sinh viên Việt Nam đã hình thành thói quen phụ thuộc, khá thụ động, e dè, không mạnh dạn đứng trước lớp để bày tỏ chính kiến của mình nên khi cô hỏi thì không dám nói, hoặc nói một cách miễn cưỡng. Trong khi đó, cô đến từ Anh, nền văn hóa có chỉ số quyền lực thấp (35), cô mong đợi sinh viên giao tiếp cởi mở, cư xử bình đẳng với cô.

6. Một số lưu ý sư phạm

Dựa vào những đặc điểm của nền văn hóa có khoảng cách quyền lực lớn, thực trạng trong lớp học tại Việt Nam, và những hạn chế của sinh viên đã nói ở trên cùng với kinh nghiệm thực tế giảng dạy, chúng tôi xin đưa ra một số lưu ý sư phạm nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học đặc biệt là dạy học ngoại ngữ và hạn chế những hiểu lầm.

Thứ nhất: dân chủ hóa mối quan hệ thầy-trò, hạn chế sự bất bình đẳng thầy nói trò phải nghe. Ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh và khuyến khích vai trò của cả người dạy và người học trong quan hệ thứ bậc này. Dân chủ ở đây là cho trò cơ hội suy nghĩ, thảo luận, phản hồi một cách tích cực những kiến thức thầy dạy. Nếu trò chưa hiểu đúng thì thầy giảng giải giúp trò lĩnh hội tri thức một cách đúng đắn và sâu sắc. Thầy cũng nên cởi mở hơn trong việc lắng nghe và tiếp thu ý kiến của trò, tạo điều kiện cho trò nói lên suy nghĩ của mình, không cho rằng mình luôn đúng và phủ nhận hoàn toàn ý kiến của trò để có thể trở thành “người bạn lớn” của họ.

Thứ hai: phát huy tính sáng tạo, tinh thần tự chủ của người học, yêu cầu người học chịu một phần trách nhiệm với quá trình học tập của mình. Để làm được điều này, chương trình học cần linh hoạt hơn để “có chỗ” cho sự sáng tạo. Thầy tổ chức các hoạt động và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng học sinh, đưa ra các hoạt động tình huống để học sinh tự thực hiện, tự xử

lí nhằm thay đổi tâm lí phụ thuộc vào thầy, phát huy tính sáng tạo và tinh thần tự chủ.

Thứ ba: Thầy cần chủ động điều chỉnh và thực hành phương pháp dạy học tích cực, tránh ảnh hưởng của văn hóa mẹ đẻ (mình là bề trên của học trò) lên quá trình dạy học đặc biệt là trong dạy học ngoại ngữ. Ở Việt Nam, sự thụ động, ngại nói trước đám đông, tâm lí e ngại, thiếu tự tin là rào cản rất lớn cho quá trình học. Vì vậy, thầy cần chủ động điều chỉnh vai trò của mình cho phù hợp, tránh áp đặt, dành nhiều thời gian cho trò thực hành, tổ chức các hoạt động phù hợp để khuyến khích người học tham gia tích cực hơn. Thầy có thể tổ chức thảo luận về những vấn đề gần gũi với người học một cách cởi mở nhằm giúp người học có cơ hội bày tỏ quan điểm, suy nghĩ của mình để thay đổi dần thói quen “im lặng” trong lớp của họ.

Thứ tư: Cần thay đổi quan niệm của xã hội về kết quả học tập của người học và chất lượng giáo dục. Ở Việt Nam, thầy phải chịu trách nhiệm lớn với kết quả học tập của học sinh và chất lượng giáo dục. Kết quả học tập của học sinh thấp được cho là phần nhiều là do thầy. Quan niệm này cần phải được thay đổi. Thành bại của học trò ngoài sự dạy dỗ, chỉ bảo tận tình của thầy thì sự cố gắng nỗ lực của trò đóng vai trò cực kì quan trọng. Thành công trong học tập của học sinh là tổng hợp của những yếu tố này và mối quan hệ giao tiếp 2 chiều giữa thầy và trò. Và dĩ nhiên, chất lượng giáo dục không thể chỉ dựa trên sự xuất sắc của thầy mà còn là sự cố gắng của trò và một số yếu tố khác liên quan đến cơ sở vật chất và chính sách giáo dục.

Thứ năm: tăng cường hiểu biết văn hóa và cần có những biện pháp để tránh hiểu lầm, bất tiện liên quan đến sự khác biệt về văn hóa. Ví dụ khi mời chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam nói chuyện và giảng dạy, cần đảm bảo rằng khi họ bắt đầu giảng dạy, cả học viên và thầy đã có những hiểu biết cần thiết về văn hóa của nhau để quá trình giảng dạy diễn ra thành công và hiệu quả. Thêm

nữa, các chương trình giảng dạy về văn hóa nên, giao lưu văn hóa nên được lồng ghép trong chương trình học nhằm tăng cường hiểu biết về văn hóa, giúp người học có những kiến thức văn hóa cần thiết để tự tin hơn khi giao tiếp trong môi trường liên văn hóa.

Có thể nói, trong thời đại ngày nay, xu hướng toàn cầu hóa, giao lưu văn hóa, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, mối quan hệ thầy trò cũng có nhiều thay đổi. Mặc dù vẫn là quan hệ thứ bậc nhưng cũng bình đẳng hơn trước. Không còn nhiều hiện tượng thầy luôn đúng, thầy bảo trò phải nghe nữa. Mối quan hệ thầy trò cũng dần thân thiện, cởi mở hơn. Trò có thể được phép tranh luận với thầy, được phép bảo vệ quan điểm cá nhân, được hỏi khi họ không hiểu vấn đề. Và quan điểm về khoảng cách quyền lực cũng không còn hoàn toàn đúng trong xã hội hiện đại nữa.

Như vậy có thể nói có một sự khác biệt khá lớn giữa nền văn hóa có khoảng cách quyền lực lớn và nền văn hóa có khoảng cách quyền lực nhỏ. Việt Nam được xếp vào nhóm quốc gia có khoảng cách quyền lực lớn. Những đặc trưng về khoảng cách quyền lực trong mối quan hệ thầy trò ở Việt Nam vừa mang lại những nét đặc sắc về văn hóa, là nền tảng đạo đức cơ bản của con người vừa tạo ra những rào cản trong hoạt động giáo dục. Trong xã hội hiện đại, khi quan hệ thầy trò, mục tiêu, chính sách giáo dục có nhiều thay đổi, thầy và trò cũng cần điều chỉnh mối quan hệ này cho phù hợp để góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình dạy và học và tích cực tìm hiểu văn hóa để tránh những bất tiện, hoặc hiểu lầm không đáng có, góp phần vào sự thành công khi giao tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Cardon, P. (2008), *A critique of hall's contexting model: A meta-analysis of literature on intercultural business and*

technical communication. Journal of Business and Communication, 22.399-428.

2. Fang, T. (2012), *Yin Yang: A new perspective on culture*. Management and Organization Review. 1-26.

3. Hofstede, G. (1980), *Culture's consequences: International differences in work-related values*. Beverly Hills, CA: Sage Publications.

4. Hofstede et al., (2010), *Cultures and organizations: Software for the mind*. (3rd ed.). McGraw-Hill, New York.

5. McSweeney, B. (2002), *Hofstede's model of national cultural differences and their consequences: A triumph of faith - A failure of analysis*. Human Relations, 55(1). 89-118

6. Mulder, M. (1977), *The daily power game*. Leiden, Netherlands: Martinus Nijhoff.

7. Nelson, G. (2000), *Individualism-collectivism and power distance: Applications for the English as a second language classroom*. The CATESOL Journal, 12(1), 73-91.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 26-09-2014)

HỢP THU'

Trong tháng 10/2014, **NN & ĐS** đã nhận được thư, bài của các tác giả: Nguyễn Tài Thái, Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Tương Lai, Tạ Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Văn Thạo, Lâm Thị Hòa Bình, Hoàng Thị Yến - Nguyễn Thị Nguyệt Minh, Võ Thị Dung (Hà Nội); Nguyễn Thị Thuận - Nguyễn Thị Hồng Toàn (Hải Phòng); Lưu Quý Khương - Bùi Kim Phụng, Phan Văn Hòa - Phan Hoàng Long, Đào Thị Thanh Phụng, Nguyễn Văn Long (Đà Nẵng); Đỗ Thành Dương (Khánh Hòa); Hồ Xuân Mai (TP HCM).

Tòa soạn **NN & ĐS** xin cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS